

Số: **6788** /BKHĐT-PTDN
V/v thẩm định dự thảo Tờ trình và Nghị
định của Chính phủ quy định việc công
bố thông tin của DNNN và Cơ sở dữ liệu
quốc gia về DNNN

Hà Nội, ngày **14** tháng **10** năm 2020

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Tại Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao nghiên cứu, soạn thảo Nghị định về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc công bố thông tin của DNNN và Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN (thay thế Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ quy định về việc công bố thông tin của DNNN). Ngày 11/9/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 5975/BKHĐT-PTDN gửi Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ xin ý kiến đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định.

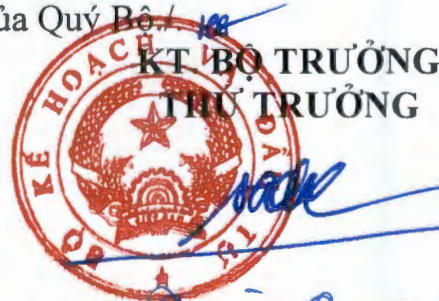
Ngày 02/10/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức cuộc họp xin ý kiến các Bộ, một số UBND địa phương và DNNN đối với dự thảo Nghị định. Sau khi tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành liên quan và doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định và Báo cáo tổng hợp tiếp thu ý kiến đóng góp đối với dự thảo Nghị định.

Thực hiện quy định tại Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định theo quy định.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên (kèm 5 bộ tài liệu);
- Lưu: VT, PTDN **N7**



Trần Duy Đông

Số: /TTr-BKHĐT

Hà nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định quy định việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước và Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước

Kính trình: Chính phủ

Ngày 17/6/2010, Quốc hội ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Tại Khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: “Doanh nghiệp nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, bao gồm: i) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; ii) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết”.

Để phân công hướng dẫn Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 về việc danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, trong đó giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, soạn thảo Nghị định về công bố thông tin của DNNN.

Tại Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 60/2018/QH14 ngày 15/6/2018 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước (DNNN), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã được giao nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc công bố thông tin của DNNN và Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước (thay thế Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ quy định về việc công bố thông tin của DNNN). Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với các nội dung chính như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Khoản 2, Điều 8, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2021) quy định: doanh nghiệp có nghĩa vụ công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.

- Điều 73, Điều 109, Điều 110, Khoản 4 Điều 176 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định các nội dung DNNN phải thực hiện công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường, đồng thời quy định Chính phủ hướng dẫn chi tiết việc thực hiện công bố thông tin của DNNN.

- Theo Điều 17.10 Chương 17 về DNNN và doanh nghiệp độc quyền chi định tại Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái bình dương (CPTPP) về minh bạch hoá trong hoạt động của DNNN, các DNNN phải thực hiện công khai một số thông tin cơ bản của doanh nghiệp.

Đồng thời, tại Nghị quyết số 73/NQ-CP, nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN đã được Chính phủ giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện để có cơ sở giám sát và phục vụ quản lý, chỉ đạo điều hành của Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước.

- Tại Công văn số 3324/VPCP-ĐMDN ngày 27/4/2020 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hoà Bình đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, bổ sung Nghị định số 81/2015/NĐ-CP đồng thời với quá trình xây dựng Luật Doanh nghiệp sửa đổi.

Do đó, việc nghiên cứu dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định công bố thông tin của DNNN; xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu về DNNN (để thay thế Nghị định số 81/2015/NĐ-CP) được thực hiện căn cứ vào các quy định và chỉ đạo nêu trên.

II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã điều chỉnh quy định khái niệm DNNN bao gồm: doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Như vậy, từ ngày 01/01/2021, đối tượng phải thực hiện các quy định về DNNN sẽ khác so với các quy định hiện hành tại Luật số 68/2014/QH13. Do vậy, cần thiết phải điều chỉnh quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP để quy định rõ đối tượng phải thực hiện công bố thông tin và nội dung công bố thông tin phù hợp với đối tượng là DNNN theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/NĐ-CP.

2. Tại Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái bình dương (CPTPP), việc minh bạch hoá trong hoạt động của DNNN được quy định rất cụ thể. Theo đó, khi có yêu cầu bằng văn bản của một bên khác (quốc gia khác), một bên phải kịp thời cung cấp các thông tin sau liên quan tới một doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước hoặc một doanh nghiệp nhà nước độc quyền với các thông tin cơ bản như tỷ lệ cổ phần, chức danh của người quản lý, doanh thu hàng năm, tổng tài sản trong 3 năm gần nhất, các hình thức miễn trừ, báo cáo tài chính hàng năm đã kiểm toán.

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ này, việc quy định các nội dung tại dự thảo Nghị định để có cơ sở xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu về DNNN theo yêu cầu tại Nghị quyết số 73/NQ-CP cần được triển khai thực hiện để có cơ sở thực hiện các nghĩa vụ của Việt Nam quy định tại Hiệp định CPTPP.

3. Tổng hợp tình hình thực hiện Nghị định số 81/2015/NĐ-CP (*Báo cáo đánh giá kèm theo*) cho thấy vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân tồn tại cụ thể như sau:

- Một số DNNN thực hiện công bố thông tin còn mang tính hình thức, chưa được thực hiện nghiêm túc. Tại một số địa phương, nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện công bố thông tin, đặc biệt tại các công ty nông, lâm nghiệp, khai thác công trình thuỷ lợi, thuỷ nông.

- Thời gian thực hiện công bố thông tin còn chậm so với quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP. Nhiều cơ quan đại diện chủ sở hữu chưa thực hiện đầy đủ công bố thông tin của các doanh nghiệp do mình làm đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP. Cụ thể, nhiều Bộ/địa phương chưa xây dựng chuyên mục riêng về công bố thông tin; chậm phê duyệt các nội dung công bố thông tin theo thẩm quyền; chưa thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm về việc thực hiện công bố thông tin của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

- Nghị định số 81/2015/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về việc công bố thông tin qua mạng điện tử của doanh nghiệp. Trong 5 năm thi hành, các doanh nghiệp gửi báo cáo công bố thông tin của DNNN bằng bản giấy hoặc các file điện tử trên địa chỉ mail: info@business.gov.vn. Do vậy, việc phải scan bản giấy hoặc tải các file điện tử để đăng lên Cổng thông tin doanh nghiệp rất thủ công, tốn nhiều thời gian, công sức nên hiệu quả không cao.

Nguyên nhân chủ yếu của các tồn tại này là do doanh nghiệp chưa nghiêm túc thực hiện hoặc một số nội dung công bố thông tin phải báo cáo cơ quan chủ sở hữu phê duyệt hoặc chấp thuận, nên thời gian công bố thông tin quá hạn so

với quy định. Các DNNN chưa phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm, phân công nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận liên quan thông qua quy chế nội bộ về công bố thông tin. Ngoài ra, việc hàng năm phải công bố thông tin cho nhiều cơ quan quản lý nhà nước; chưa thấy được lợi ích của việc minh bạch hoá thông tin cũng khiến doanh nghiệp có tâm lý e ngại, không thực hiện nghiêm túc việc công bố thông tin ra bên ngoài.

Từ những vướng mắc trên thực tiễn và các yêu cầu nêu trên, việc rà soát, xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 81/2015/NĐ-CP là cần thiết nhằm khắc phục những vướng mắc, hạn chế của Nghị định số 81/2015/NĐ-CP, điều chỉnh các quy định giúp doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin thuận lợi. Ngoài ra, việc ban hành Nghị định nhằm phục vụ yêu cầu xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN, hướng tới kết nối và chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan nhà nước về hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN, góp phần nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và của xã hội đối với DNNN và tuân thủ các quy định tại Hiệp định CPTPP.

III. MỤC TIÊU XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 81/2015/NĐ-CP nhằm đạt được các mục tiêu sau:

1. Đối với việc công bố thông tin của DNNN

- Cụ thể hoá các quy định về yêu cầu công bố thông tin tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 và Hiệp định CPTPP. Tạo ra khung pháp lý chung, thống nhất về việc công bố thông tin của DNNN, đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại và cam kết hội nhập quốc tế.

- Việc minh bạch hoá và công bố công khai thông tin về hoạt động của DNNN là công cụ hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, giám sát hoạt động của các DNNN góp phần tăng hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, giúp cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước nhận thức rõ về trách nhiệm của mình trong việc quản lý, sử dụng vốn Nhà nước.

- Với quy trình công bố thông tin qua mạng điện tử, thời gian thực hiện công bố thông tin được rút gọn, đảm bảo tính kịp thời, chính xác của các thông tin do DNNN công bố. Ngoài ra, với việc chuẩn hóa các mẫu biểu và nội dung thông tin cần công bố công khai của DNNN, DNNN có thể thực hiện công bố thông tin dễ dàng, thuận lợi.

- Xác lập quy trình công bố thông tin qua mạng điện tử của doanh nghiệp, làm rõ quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thực hiện công bố công khai các thông tin về

hoạt động của doanh nghiệp; giám sát việc công bố các thông tin đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời, công khai và minh bạch của thông tin công bố.

2. Đối với việc hình thành Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN

- Việc hình thành Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN nhằm kết nối và chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan nhà nước về hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN, góp phần nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và của xã hội đối với DNNN và tuân thủ các quy định tại Hiệp định CPTPP.

- Việc hình thành Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN còn tạo điều kiện cho nhân dân, các nhà đầu tư trong việc tiếp cận các thông tin của DNNN được dễ dàng và thuận tiện, tạo sự minh bạch, tin tưởng cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu tìm hiểu cơ hội đầu tư, hợp tác với DNNN, là cơ sở góp phần xây dựng môi trường cạnh tranh, lành mạnh giữa các thành phần kinh tế trong xã hội.

- Hướng tới mục tiêu của Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, các cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ được kết nối, chia sẻ trên toàn quốc. Theo đó, việc hình thành Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN là nền tảng cơ bản để thiết lập dữ liệu chung về DNNN trên cơ sở vận dụng tối đa thông tin, dữ liệu do các doanh nghiệp báo cáo và cập nhật trên hệ thống, giảm thiểu việc doanh nghiệp phải báo cáo nhiều lần cho nhiều cơ quan quản lý nhà nước, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức nghiên cứu, rà soát các văn bản quy định pháp luật liên quan, trên cơ sở đó xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc công bố thông tin của DNNN và Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước. Để hoàn thiện các nội dung dự thảo Nghị định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xin ý kiến của các đơn vị liên quan, đồng thời dự thảo Nghị định cũng đã được đăng trên Trang tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.mpi.gov.vn>) và Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.business.gov.vn>) để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến.

Ngày 11/9/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 5975/BKHĐT-PTDN gửi Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ xin ý kiến đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định.

Đồng thời, ngày 02/10/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức cuộc họp xin ý kiến các Bộ, một số UBND địa phương và DNNN đối với dự thảo Nghị định. Tính đến ngày 05/10/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được 61 ý kiến tham gia bằng văn bản của 15 Bộ, cơ quan ngang Bộ, 26 địa phương và 20 Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành liên quan và doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc công bố thông tin của DNNN và Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN.

Ngày...../.../2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số...../BKHĐT-PTDN gửi Bộ Tư pháp về việc thẩm định Dự thảo Tờ trình và Nghị định của Chính phủ quy định việc công bố thông tin của DNNN; xây dựng cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN. Ngày...../.../2020, Bộ Tư pháp đã có công văn số .../.../2020 trả lời về nội dung nêu trên.

Sau khi tổng hợp các ý kiến đóng góp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện vào dự thảo Nghị định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục dự thảo Nghị định

Kết cấu của dự thảo gồm 04 chương, 19 Điều và 07 Phụ lục về mẫu biểu báo cáo gồm: Những quy định chung; Công bố thông tin của DNNN; Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN; Trách nhiệm thực hiện và điều khoản thi hành.

2. Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc công bố thông tin của DNNN và Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN quy định một số nội dung cơ bản sau:

2.1. Những quy định chung:

- Về phạm vi điều chỉnh: dự thảo Nghị định quy định về nội dung, trách nhiệm công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước; xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước.

- Về đối tượng áp dụng: dự thảo Nghị định quy định đối tượng áp dụng bao gồm doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đồng thời quy định doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh thực hiện công bố thông tin theo quy định riêng.

2.2. Về công bố thông tin của DNNN:

- Nguyên tắc thực hiện công bố thông tin của DNNN: Dự thảo Nghị định quy định về các nguyên tắc để doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan phải thực hiện. Theo đó các thông tin công bố phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật; phải do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

- Phương tiện, hình thức công bố thông tin: Việc công bố thông tin được thực hiện trên cổng/trang thông tin điện tử (Website) của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.business.gov.vn>).

- Tài khoản công bố thông tin của doanh nghiệp: Dự thảo Nghị định quy định tài khoản công bố thông tin qua mạng điện tử của doanh nghiệp được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và quản lý tập trung trên Cổng thông tin doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp chưa có tài khoản, doanh nghiệp đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://business.gov.vn>.

- Về việc công bố các thông tin định kỳ của doanh nghiệp: Dự thảo Nghị định quy định doanh nghiệp phải xây dựng và công bố các loại báo cáo theo mẫu tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định; thời hạn công bố đối với từng loại báo cáo. Đối với báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải công bố báo cáo tài chính 06 tháng và báo cáo tài chính năm theo pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Đối với Công ty mẹ do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ trong mô hình Công ty mẹ - công ty con, doanh nghiệp phải xây dựng một số loại báo cáo và chỉ tiêu sản xuất kinh doanh là số liệu của công ty mẹ và số liệu hợp nhất của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

- Về việc công bố thông tin bất thường: Dự thảo Nghị định quy định doanh nghiệp phải thực hiện công bố thông tin bất thường trong vòng 36 giờ trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều 110 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

- Về tạm hoãn, điều chỉnh công bố thông tin: Dự thảo Nghị định quy định doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu trong trường hợp không thể thực hiện công bố thông tin đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục. Trong trường hợp cần điều chỉnh các nội dung công bố thông tin, doanh nghiệp có trách nhiệm sửa đổi, cập nhật thông tin trên cổng hoặc trang thông tin

điện tử của doanh nghiệp và Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong sau khi các nội dung thông tin điều chỉnh được phê duyệt.

- Về xác định tính hợp lệ của việc công bố thông tin và việc bảo quản, lưu trữ thông tin: Dự thảo Nghị định quy định việc công bố thông tin qua mạng điện tử của doanh nghiệp là hợp lệ khi thực hiện đầy đủ các điều kiện như xây dựng theo đúng mẫu quy định tại các Phụ lục, được phê duyệt bởi Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc Người được uỷ quyền thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp và phải hoàn thành kê khai các mẫu biểu điện tử trên Cổng thông tin doanh nghiệp.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định quy định thông tin công bố phải được duy trì trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Cổng thông tin doanh nghiệp tối thiểu là năm (05) năm. Doanh nghiệp công bố thông tin thực hiện việc bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

2.3. Về cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước:

Để đảm bảo có cơ sở thực hiện các quy định tại Hiệp định CPTPP và đáp ứng mục tiêu quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước và giám sát đối với hoạt động của DNNN, dự thảo Nghị định quy một số nội dung về xây dựng, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN trên cơ sở tổng hợp thông tin và dữ liệu từ các báo cáo công bố thông tin của DNNN bao gồm một số nội dung chính như sau:

- Về nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN: Dự thảo Nghị định quy định một số nguyên tắc khi xây dựng, cập nhật quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN như yêu cầu về nội dung phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; tận dụng nguồn dữ liệu sẵn có; hạn chế việc thu thập lại cùng một nguồn dữ liệu; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn và dùng cho nhiều mục đích khác nhau.

- Về quản lý, khai thác thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN: dự thảo Nghị định quy định các thông tin của DNNN được công khai trên Cổng thông tin doanh nghiệp; đồng thời quy định việc quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN thực hiện theo quy chế do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

- Về kinh phí xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước: Dự thảo Nghị định quy định các nguồn kinh phí bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn viện trợ, tài trợ và các nguồn khác.

2.4. Về trách nhiệm thực hiện và điều khoản thi hành:

Dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc công bố thông tin của DNNN; các biện pháp và chế tài xử lý vi phạm trong trường hợp không thực hiện đúng quy định về việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

VI. VỀ VIỆC TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Tiếp thu sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

VII. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN

1. Về việc kiểm toán Báo cáo tài chính giữa năm

Tại điểm d Khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định doanh nghiệp phải công bố “báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố phải trước 31 tháng 7 hàng năm; bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có)”.

Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng theo quy định tại Luật số 69/2014/QH13 và Điều 37 Luật Kiểm toán độc lập, các doanh nghiệp chỉ phải kiểm toán bắt buộc đối với báo cáo tài chính hàng năm; không quy định doanh nghiệp phải thực hiện kiểm toán đối với báo cáo 06 tháng. Theo đó, các ý kiến đề xuất không phải kiểm toán báo cáo tài chính giữa năm của doanh nghiệp để phù hợp với quy định hiện hành và tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp (Bộ NN&PTNT; UBND tỉnh Nam Định, Yên Bái, Trà Vinh, Thái Bình, Nghệ An, Phú Thọ; Tập đoàn CN Than – Khoáng sản VN, TCT Quản lý bay VN, TCT Thuốc lá VN, TCT Bưu điện VN).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng việc yêu cầu toàn bộ doanh nghiệp nhà nước, bao gồm cả những doanh nghiệp quy mô nhỏ, thực hiện nhiệm vụ công ích như các công ty nông, lâm nghiệp, các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi, thủy nông, doanh nghiệp sủi xối... phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng có thể tạo thêm gánh nặng về chi phí và thời gian cho doanh nghiệp.

Do vậy, dự thảo Nghị định dự kiến quy định DNNN có quy mô vốn chủ sở hữu trên 1.800 tỷ đồng phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giữa năm để công bố thông tin; các doanh nghiệp nhà nước khác công bố báo cáo tài chính giữa năm do doanh nghiệp lập theo mẫu biểu và quy định của pháp luật kế toán. Việc xác định đối tượng doanh nghiệp phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trước khi công bố thông tin có mức vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất từ 1.800 tỷ đồng trở lên để đảm bảo thống nhất với các quy định hiện hành trong việc giám sát, quản lý đối với các doanh

ng nghiệp nhà nước có quy mô lớn hiện nay (Khoản b Điểm 1 Điều 26 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần quy định doanh nghiệp quy định: Các doanh nghiệp nhà nước (bao gồm công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con và các công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) có vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp từ 1.800 tỷ đồng trở lên bắt buộc phải do Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp).

2. Về thời hạn công bố Báo cáo tài chính giữa năm

Theo quy định tại Điều 109 Thông tư số 200/2014/TT-BTC, đối với công ty mẹ, Tổng công ty nhà nước, thời hạn nộp Báo cáo tài chính chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý, như vậy báo cáo tài chính giữa năm theo quy định nộp chậm nhất vào ngày 15/8 hàng năm.

Qua tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, UBND địa phương và DNNN, hầu hết các ý kiến đều cho rằng việc công bố báo cáo tài chính 6 tháng đã được kiểm toán trước ngày 31/7 hàng năm đối với những doanh nghiệp quy mô lớn, nhiều đơn vị thành viên là không khả thi (Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Trà Vinh, Tập đoàn Dầu khí VN, Tập đoàn CN Than – Khoáng sản VN, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông VN, Tập đoàn CN Cao su VN, TCT Đường sắt VN, TCT Hàng hải VN, TCT Viễn thông Mobifone, TCT Thuốc lá VN, TCT Xi măng VN, TCT truyền thông đa phương tiện, TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn NN, TCT Hàng không VN, TCT Quản lý bay VN, TCT Hàng hải VN). Do vậy, các đơn vị đều kiến nghị điều chỉnh thời hạn công bố báo cáo tài chính 6 tháng đã được kiểm toán trước 31/8 hàng năm để đảm bảo tính khả thi trong thực hiện.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng, đối với báo cáo tài chính do doanh nghiệp tự lập theo mẫu biểu và quy định của pháp luật kế toán vì việc hoàn thành để công bố trước 31/7 hàng năm là khả thi. Tuy nhiên, đối với những doanh nghiệp quy mô lớn, có nhiều đơn vị thành viên trong tổ hợp Công ty mẹ - công ty con, thời hạn nộp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trước 31/7 hàng năm là khó có thể thực hiện được. Do vậy, dự thảo Nghị định dự kiến quy định, đối với DNNN có quy mô vốn điều lệ trên 1.800 tỷ đồng, thời hạn nộp Báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán là trước ngày 31/8 hàng năm.

3. Về báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức

Một số ý kiến đề nghị giữ nguyên tần suất báo cáo và thời hạn theo quy định tại Nghị định 81/2015/NĐ-CP thay vì 2 lần/1 năm như tại dự thảo Nghị định (TCT Thuốc lá VN, TCT Hàng không VN) hoặc giới hạn lại các nội dung

tại Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức (Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN, Tập đoàn CN Cao su VN, Tập đoàn Dầu khí VN, TCT Viễn thông Mobifone, TCT Đầu tư phát triển nhà và đô thị).

Về cơ bản, dự thảo Nghị định đã rà soát để quy định nội dung báo cáo về thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của DNNN tương đồng với trách nhiệm và nghĩa vụ báo cáo đối với công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán, Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Theo đó, việc quy định doanh nghiệp phải công bố báo cáo quản trị và cơ cấu tổ chức 6 tháng và cả năm tại dự thảo Nghị định là thống nhất với các quy định tại các văn bản hiện hành. Ngoài ra, nội dung tại báo cáo thực trạng quản trị 6 tháng và 1 năm là khác nhau, không bị trùng lặp.

4. Kiến nghị thiết lập chung hệ thống thông tin chung về DNNN

Một số ý kiến kiến nghị Chính phủ thiết lập chung hệ thống công thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước để doanh nghiệp chỉ cần thực hiện báo cáo 1 lần nhưng các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan đại diện chủ sở hữu đều nhận được, tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp (Bộ Xây dựng, TCT Thuốc lá VN, TCT Hàng không VN, Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN).

Tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, mục tiêu đến năm 2030 “Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp”.

Để thực hiện mục tiêu đó, yêu cầu phải xây dựng Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, các cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối, tích hợp, chia sẻ sẽ tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ cũng như phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với thông tin về DNNN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thống nhất cho rằng việc thực hiện thiết lập 1 hệ thống công thông tin chung để lưu trữ, quản lý, kết nối và chia sẻ thông tin về DNNN là cần thiết, tránh việc doanh nghiệp phải báo cáo cùng loại thông tin đến nhiều cơ quan quản lý nhà nước khác nhau. Để có lộ trình thực hiện nội dung này, dự thảo Nghị định dự kiến quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý thông tin về DNNN, có trách nhiệm xây dựng hệ thống thông tin chung về DNNN; tích hợp, chia sẻ, kết nối với các Bộ,

ngành địa phương cùng khai thác, sử dụng, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao; các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm kết nối, tích hợp thông tin về DNNN và thực hiện quy định về cung cấp và chia sẻ dữ liệu về DNNN tại Quy chế quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

Trên đây là Tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Nghị định quy định việc công bố thông tin của DNNN và Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN. Kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, PTDN.

Nguyễn Chí Dũng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH VIỆC CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước và Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nội dung, trách nhiệm công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước và việc xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

2. Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, xổ số, chứng khoán thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định tại Nghị định này, trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Các doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh thực hiện công bố thông tin theo quy định của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu; người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công bố thông tin

1. Doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại địa chỉ <http://business.gov.vn>, đồng thời gửi báo cáo tới cơ quan đại diện chủ sở hữu để công bố theo quy định. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt.

2. Việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của doanh nghiệp, bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và của xã hội đối với doanh nghiệp nhà nước.

3. Việc công bố thông tin do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

4. Hồ sơ công bố thông tin qua mạng điện tử của doanh nghiệp có giá trị pháp lý như bản giấy, là cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ cho công tác thu thập, tổng hợp thông tin; kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người được uỷ quyền công bố thông tin của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin qua một (01) người đại diện theo pháp luật hoặc một (01) cá nhân là người được uỷ quyền công bố thông tin của doanh nghiệp. Người được uỷ quyền công bố thông tin phải là người có thẩm quyền ký, đóng dấu theo quy định nội bộ của doanh nghiệp và không được uỷ quyền lại cho cá nhân khác.

2. Doanh nghiệp phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật thực hiện công bố thông tin theo Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị định này và thông báo với cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp phải đăng ký, đăng ký lại người được uỷ quyền công bố thông tin theo Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc uỷ quyền có hiệu lực và thông báo với cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

Điều 5. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Hình thức công bố thông tin gồm văn bản và báo cáo dưới dạng dữ liệu điện tử.

2. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử (website) của doanh nghiệp.

b) Hệ thống tiếp nhận thông tin, cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Hệ thống tiếp nhận thông tin, Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.business.gov.vn>) (sau đây gọi tắt là Cổng thông tin doanh nghiệp).

3. Doanh nghiệp phải lập trang thông tin điện tử trong vòng ba (03) tháng sau khi Nghị định này có hiệu lực theo quy định sau:

a) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng công bố Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Nghị định này;

b) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo cá nhân, tổ chức bên ngoài có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc đầu tiên ngay sau ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

5. Việc công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng khác do cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định.

Điều 6. Tài khoản công bố thông tin của doanh nghiệp

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thiết lập và cung cấp tài khoản công bố thông tin qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp.

2. Thông tin của doanh nghiệp khi thiết lập tài khoản bao gồm:

a) Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Họ và tên, số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân; số điện thoại; thư điện tử; chức vụ.

b) Thông tin về người được uỷ quyền công bố thông tin của doanh nghiệp: Họ và tên, số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân; số điện thoại; thư điện tử; chức vụ.

c) Thông tin cơ bản về doanh nghiệp: Tên doanh nghiệp; cơ quan đại diện chủ sở hữu; tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, thư điện tử, trang website.

3. Doanh nghiệp sử dụng tài khoản công bố thông tin của doanh nghiệp để thực hiện đăng tải báo cáo công bố thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp theo quy định. Doanh nghiệp phải đổi mật khẩu trong vòng một (01) đến ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài khoản và có trách nhiệm bảo quản tài khoản, mật khẩu trong quá trình thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp; thông báo kịp thời cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư nếu tài khoản, mật khẩu bị mất, đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép tài khoản để thực hiện các hành vi vi phạm an ninh có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp và Cổng thông tin doanh nghiệp.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thu hồi tài khoản của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không còn là đối tượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Điều 7. Các thông tin phải công bố định kỳ

1. Doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, Cổng thông tin doanh nghiệp, đồng thời gửi báo cáo tới cơ quan đại diện chủ sở hữu để công bố theo quy định đối với các thông tin phải định kỳ công bố sau đây:

a) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm theo nội dung quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 hàng năm;

b) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác theo nội dung quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 4 hàng năm;

c) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức sáu (06) tháng của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;

d) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hàng năm của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định này; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 4 hàng năm;

đ) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính sáu (06) tháng, bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có) theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp, trừ các doanh nghiệp phải công bố báo cáo quy định tại điểm g Khoản này; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;

e) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính sáu (06) tháng đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có) theo quy định pháp luật về kế toán đối với

doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất từ 1.800 tỷ đồng trở lên; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 8 hàng năm;

g) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có) theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 5 hàng năm;

2. Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, ngoài các báo cáo phải công bố định kỳ tại Khoản 1 Điều này phải công bố báo cáo mục tiêu tổng quát; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo nội dung quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 4 hàng năm.

3. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu đăng tải trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan các loại thông tin phải công bố định kỳ của doanh nghiệp.

4. Đối với nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định nội dung cần hạn chế công bố thông tin. Sau năm (05) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu rà soát, đánh giá, chấp nhận việc hạn chế công bố thông tin của doanh nghiệp, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát.

Điều 8. Các thông tin phải công bố bất thường

1. Doanh nghiệp phải thực hiện công bố thông tin bất thường trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, Cổng thông tin doanh nghiệp và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu trong vòng 36 giờ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều 110 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện công bố các thông tin bất thường của doanh nghiệp trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan ngay sau khi nhận được báo cáo của doanh nghiệp.

Điều 9. Tạm hoãn, điều chỉnh công bố thông tin

1. Doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng hoặc những vấn đề quan trọng, liên quan đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cần xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu rà soát, đánh giá, chấp nhận việc tạm hoãn công bố thông tin trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được đề nghị tạm hoãn công bố thông tin của doanh nghiệp và thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát chung.

3. Doanh nghiệp phải công bố trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của doanh nghiệp việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục.

4. Trong trường hợp cần điều chỉnh các nội dung công bố thông tin, doanh nghiệp có trách nhiệm sửa đổi, cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và Cổng thông tin doanh nghiệp trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung thông tin điều chỉnh được phê duyệt và nêu rõ lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

Điều 10. Thông tin công bố hợp lệ và bảo quản, lưu giữ thông tin

1. Việc công bố thông tin qua mạng điện tử của doanh nghiệp là hợp lệ khi thực hiện đầy đủ các quy định sau:

a) Báo cáo công bố thông tin được xây dựng theo đúng mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và được chuyển sang dữ liệu dưới dạng điện tử (định dạng file là PDF, Word, Exel). Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại báo cáo nêu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Báo cáo công bố thông tin được Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc Người được uỷ quyền thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp thông qua, phê duyệt theo quy định.

c) Doanh nghiệp hoàn thành kê khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cập nhật tại các mẫu biểu điện tử trên Cổng thông tin doanh nghiệp khi đăng tải báo cáo công bố thông tin.

2. Thông tin công bố phải được duy trì trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Cổng thông tin doanh nghiệp tối thiểu năm (05) năm. Doanh nghiệp công bố thông tin thực hiện việc bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 11. Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước là tập hợp dữ liệu về các thông tin cơ bản của doanh nghiệp nhà nước được xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác trên Cổng thông tin doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu truy nhập thông tin về doanh nghiệp nhà nước và phục vụ lợi ích xã hội.

2. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước được thu thập, cập nhật từ các nguồn sau:

a) Các báo cáo công bố thông tin định kỳ, bất thường của doanh nghiệp được công bố trên Cổng thông tin doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

b) Các thông tin trong biểu mẫu điện tử trên Cổng thông tin doanh nghiệp do doanh nghiệp cung cấp khi thực hiện đăng tải báo cáo công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước

1. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định bảo đảm sự tương thích, thông suốt và an toàn giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước trong quá trình chia sẻ, trao đổi thông tin.

2. Việc lập kế hoạch xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước phải có mục đích rõ ràng và bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Nội dung phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả;
- b) Hạn chế tối đa việc thu thập lại cùng một nguồn dữ liệu;
- c) Tận dụng nguồn dữ liệu sẵn có;
- d) Ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn;
- đ) Ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

Điều 13. Quản lý, khai thác thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước

1. Thông tin được cung cấp công khai trên Cổng thông tin doanh nghiệp bao gồm: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, cơ quan đại diện chủ sở hữu, tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tên người đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp và các báo cáo công bố thông tin định kỳ và bất thường của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp có quyền khai thác thông tin, dữ liệu tổng hợp, phân tích chuyên sâu của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước thông qua tài khoản công bố thông tin qua mạng điện tử của doanh nghiệp.

3. Việc quản lý, và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo Quy chế do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

Điều 14. Kinh phí xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước

1. Kinh phí xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước được sử dụng từ các nguồn sau:

- a) Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cấp;
- b) Nguồn vốn viện trợ, tài trợ và các nguồn khác.

2. Việc xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước trong trường hợp sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo pháp luật về đấu thầu và các quy định có liên

quan. Kinh phí xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước từ nguồn ngân sách nhà nước được tổng hợp vào dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Xây dựng Quy chế công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này trong đó bao gồm các nội dung về thẩm quyền, trách nhiệm, phân công nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận liên quan; đồng thời gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu Quy chế để giám sát, đôn đốc thực hiện.

2. Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các quy định tại Nghị định này; tuân thủ quy định và yêu cầu kiểm tra, giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Xây dựng chuyên mục riêng về công bố thông tin của doanh nghiệp trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan; bảo đảm kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc các nguồn lực khác để nâng cấp, duy trì, vận hành cổng hoặc trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định của Nghị định này.

2. Phê duyệt nội dung Báo cáo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 7 trước ngày 31/3 hàng năm và thực hiện công bố báo cáo công bố thông tin định kỳ và bất thường của doanh nghiệp trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan, bảo đảm các thông tin công bố được tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công bố thông tin của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các quy định về công bố thông tin tại Nghị định này.

4. Rà soát, thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư những doanh nghiệp không thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị định này để thực hiện thu hồi tài khoản công bố thông tin của doanh nghiệp.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Vận hành, nâng cấp Cổng thông tin doanh nghiệp (<http://www.business.gov.vn>) bảo đảm việc tiếp nhận, công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

2. Tiếp nhận yêu cầu và đăng tải công khai các nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp trên Cổng thông tin doanh nghiệp kịp thời, bảo đảm các thông tin công bố được tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

3. Tổ chức đào tạo, hướng dẫn về công bố thông tin qua mạng điện tử cho doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

4. Xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước trên Cổng thông tin doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu truy cập, sử dụng có hiệu quả thông tin, phục vụ lợi ích xã hội. Ban hành Quy chế quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước.

5. Đảm bảo cơ sở hạ tầng thông tin để thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp và duy trì, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước trên Cổng thông tin doanh nghiệp.

6. Lập dự toán kinh phí thường xuyên hàng năm để đảm bảo xây dựng, cập nhật, quản lý, duy trì, nâng cấp Cổng thông tin doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Xử lý vi phạm

1. Đối với doanh nghiệp:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu áp dụng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo người quản lý doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tại điểm a khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước đối với doanh nghiệp tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp trong trường hợp vi phạm các quy định như: Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng thời hạn các quy định về công bố thông tin; nội dung công bố thông tin không trung thực theo quy định tại Nghị định này;

b) Doanh nghiệp vi phạm các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

c) Trong trường hợp doanh nghiệp vi phạm các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này dẫn đến việc cơ quan đại diện chủ sở hữu không kịp thời đưa ra các ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị, giải pháp, dẫn đến tình hình hoạt động của doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn, gây thất thoát vốn nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu áp dụng hình thức kỷ luật từ cách chức đến buộc thôi việc người quản lý doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tại điểm a khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp; hình thức buộc thôi việc người đại diện phần vốn nhà nước đối với doanh nghiệp tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra các nội dung về công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này; không thực hiện việc đăng tải công khai, kịp thời trên công hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan về các thông tin công bố định kỳ và bất thường của doanh nghiệp do mình quản lý.

3. Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng quy định tại Nghị định này; chậm công bố thông tin đến hai mươi (20) ngày làm việc: Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm công khai danh sách

các doanh nghiệp trên Cổng thông tin doanh nghiệp và thông báo cho cơ quan đại diện chủ sở hữu biết để đôn đốc, đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ danh sách doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

Điều 19. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý thông tin về doanh nghiệp nhà nước, có trách nhiệm xây dựng hệ thống thông tin chung về doanh nghiệp nhà nước; tích hợp, chia sẻ, kết nối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp nhà nước để khai thác, sử dụng, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị định này; có trách nhiệm kết nối, tích hợp thông tin về doanh nghiệp nhà nước với Cổng thông tin doanh nghiệp và thực hiện các quy định về cung cấp và chia sẻ dữ liệu về doanh nghiệp nhà nước tại Quy chế quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.
5. Hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp nhà nước thực hiện Nghị định này và định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, báo cáo Chính phủ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Liên minh các HTX Việt Nam;
- Các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (3b).

Phụ lục I**THÔNG BÁO NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN***(Kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)***TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****MST****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng ... năm ...

Kính gửi: - Cơ quan đại diện chủ sở hữu;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tên giao dịch của doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Website:.....

Sau đây chúng nhận: Ông (Bà)

Điện thoại liên hệ:.....Email:.....

Chức vụ tại doanh nghiệp:

Là người đại diện theo pháp luật của (Tên Doanh nghiệp) được giao thực hiện công bố thông tin của (Tên Doanh nghiệp).....

.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục II**GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN***(Kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)***TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****MST****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng ... năm ...

Kính gửi: - Cơ quan đại diện chủ sở hữu;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tên giao dịch của doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ liên lạc:.....

Website:.....

Sau đây chứng nhận: Ông (Bà)

Điện thoại liên

hệ:.....Email:.....

Chức vụ tại doanh nghiệp:

Là người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin của (Tên Doanh nghiệp)

.....

.....

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục III**BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH
NĂM (*)***(Kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)***TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****MST****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng ... năm ...

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH**II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM... (*)****1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính
- Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm
- Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp

- Kế hoạch đầu tư các dự án cả năm
- Kết quả đầu tư cả năm (dự kiến).

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM(*)

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	- Sản lượng 1		
	- Sản lượng 2		
		
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		
3	Doanh thu	Tỷ đồng	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	
7	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	
8	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Tỷ đồng	
9	Các chỉ tiêu khác		

*** Lưu ý:**

- (*) Năm báo cáo là năm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Các giải pháp thực hiện

1. Giải pháp về tài chính.
2. Giải pháp về sản xuất.
3. Giải pháp về marketing.
4. Giải pháp về nguồn nhân lực.
5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.
6. Giải pháp về quản lý và điều hành.
7. Giải pháp khác.

Phụ lục IV**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM..... (*)***(Kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)***TÊN DOANH NGHIỆP
MST****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng ... năm ...

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm.... (*)

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: các chỉ tiêu về sản phẩm sản xuất chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách, thực hiện sản phẩm công ích, kim ngạch xuất khẩu...

- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

BIỂU SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (**)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
a)				
b)				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng		
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng		
5	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng		
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)			
7	Tổng lao động	Người		
8	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng		
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng		
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng		

	vốn điều lệ										
1.1	Công ty A										
1.2	Công ty B										
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ										
2.1	Công ty C										
2.2	Công ty D										

*** Lưu ý:**

- (*) Năm báo cáo là năm liền trước năm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.
- (**) Công ty mẹ (trong mô hình công ty mẹ - công ty con) là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

Phụ lục V**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM (*)***(Kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)***TÊN DOANH NGHIỆP
MST****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng ... năm ...

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH (%)	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước (%)
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm				 %
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu					
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	<i>(Tổng kê số lượng các ý kiến phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích của doanh nghiệp)</i>				
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm					
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm					

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.
2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.
3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp.
4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.
5. Quan hệ tốt với người lao động.
6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp.

* Lưu ý: (*) Năm báo cáo là năm liền trước năm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

Phụ lục VI**BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA
DOANH NGHIỆP 6 THÁNG/NĂM..... (*)***(Kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)***TÊN DOANH NGHIỆP
MST****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng ... năm ...

I. Hoạt động của Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty:

Thông tin về các cuộc họp và quyết định, nghị quyết quan trọng của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị trong kỳ như các Quyết định, Nghị quyết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản, ... Nêu số văn bản và tóm tắt nội dung văn bản).

BIỂU SỐ 1: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY

TT	Số văn bản	Ngày	Người có thẩm quyền ký, ban hành	Nội dung(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)

II. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan:**BIỂU SỐ 2: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ... thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Giải thích:

(2): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(3): Thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(4): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay...);

(5): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..);

(6): Ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

III. Thông tin về giao dịch giữa doanh nghiệp với các đối tượng khác:

Thông tin về các giao dịch quan trọng của doanh nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản... có giá trị từ 5% vốn chủ sở hữu trở lên.

BIỂU SỐ 3: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Nội dung giao dịch	Đối tác giao dịch	Thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch	Người có thẩm quyền quyết định	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ ... thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Giải thích:

(2): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay, Hợp đồng mua sắm...);

(3): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(4): Thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(5): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..);

(6): Ghi rõ Người có thẩm quyền ra quyết định thực hiện giao dịch;

(7): Ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

*** Lưu ý:**

- (*) Năm báo cáo là năm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

Phụ lục VII

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM..... (*)*(Kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)***TÊN DOANH NGHIỆP
MST****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng ... năm ...

I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

1. Thông tin chung.

- Cơ quan đại diện chủ sở.
- Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Cơ quan đại diện chủ sở hữu phân vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Các quyết định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

*(Tóm tắt các quyết định quan trọng của cơ quan đại diện chủ sở hữu có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)***BIỂU SỐ 1: CÁC QUYẾT ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU**

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)

II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Danh sách Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty (đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) và Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

BIỂU SỐ 2: DANH SÁCH THÀNH VIÊN NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
I. HĐTV/ Chủ tịch công ty/HĐQT						
II. TGD hoặc GD						

III. Phó TGD hoặc PGD						
IV. Kế toán trưởng						

2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người quản lý doanh nghiệp.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích và tổng chi phí (nếu có) của từng thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

BIỂU SỐ 3: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương	Hệ số	Tiền lương 1 tháng	Tiền thưởng, thu nhập khác	Tổng thu nhập sau thuế 1 năm

3. Hoạt động của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.

a, Các quyết định, nghị quyết quan trọng của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị trong kỳ như các Quyết định, Nghị quyết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản, ... (Nêu số văn bản và tóm tắt nội dung văn bản).

BIỂU SỐ 4: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY

TT	Số văn bản	Ngày	Người có thẩm quyền ký, ban hành	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)

b, Hoạt động giám sát của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

III. BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN

1. Thông tin về Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

BIỂU SỐ 5: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT/KIỂM SOÁT VIÊN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Ngày bắt	Tỷ lệ tham
----	-----------	----------	----------	---------	----------	------------

			chuyên môn		đầu là thành viên BKS	dự họp

2. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

3. Các báo cáo của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

BIỂU SỐ 5: THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN

(Chỉ nêu tóm tắt các báo cáo quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung

IV. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách Người có liên quan của doanh nghiệp.

BIỂU SỐ 6: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Chức vụ (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

BIỂU SỐ 7: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐH ĐCD... thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Giải thích:

(2): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(3): Thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(4): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay...);

(5): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..);

(6): Ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

V. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Danh sách, tổng kinh phí các khóa đào tạo về quản trị doanh nghiệp mà các thành viên HĐQT/HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc /Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác đã tham gia theo quy định về quản trị doanh nghiệp.

BIỂU SỐ 8: DANH SÁCH CÁC KHOÁ ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TT	Tên khoá đào tạo	Thời gian đào tạo	Nội dung khoá đào tạo	Tổng kinh phí	Số lượng người tham gia đào tạo

VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG, KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG NHÂN SỰ

1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động; Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động; Hoạt động đào tạo người lao động. Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm. Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

BIỂU SỐ 9: TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tổng số lao động	Tổng quỹ lương	Mức lương trung bình	Tiền thưởng, thu nhập khác	Tổng thu nhập 1 năm	Các chương trình đào tạo, chính sách hỗ trợ người lao động	Số lượng giờ đào tạo trung bình/năm

2. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự: số lượng, vị trí, điều kiện tuyển dụng, hình thức tuyển dụng.

** Lưu ý: (*) Năm báo cáo là năm liền trước năm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.*

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2015/NĐ-CP

Ngày 18/9/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc công bố thông tin của DNNN. Theo đó, các DNNN phải công bố công khai một số thông tin liên quan đến hoạt động như: chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm và hàng năm của doanh nghiệp; báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm và 3 năm gần nhất; báo cáo tài chính; báo cáo kết quả sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp; báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức; báo cáo tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp, báo cáo thông tin bất thường.

1. Những kết quả đạt được:

Sau gần 5 năm thực hiện Nghị định số 81/2015/NĐ-CP, việc công bố thông tin của DNNN đã đạt được những kết quả nhất định và trở thành nhiệm vụ thường xuyên trong quá trình hoạt động của các DNNN.

Một là, số lượng DNNN thực hiện công bố thông tin lần lượt tăng theo từng năm, nếu như trong năm 2016, năm đầu tiên thực hiện Nghị định số 81/2015/NĐ-CP, số lượng doanh nghiệp nhà nước thực hiện công bố thông tin chỉ đạt 241/620 doanh nghiệp, năm 2017, số lượng doanh nghiệp nhà nước thực hiện công bố thông tin đã tăng lên 275/584 doanh nghiệp, năm 2018, đã có 383/534 doanh nghiệp và tính đến hết năm 2019 đã có 333/526 doanh nghiệp (chiếm 63,3% số doanh nghiệp) gửi báo cáo đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://www.business.gov.vn>.

Trong tổng số 9 loại báo cáo phải thực hiện công bố theo quy định của Nghị định số 81/2015/NĐ-CP thì hầu hết các doanh nghiệp chưa thực hiện công bố đầy đủ, trung bình mỗi doanh nghiệp chỉ công bố khoảng 5/9 loại báo cáo. Các nội dung phải công bố thông tin như kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, báo cáo tài chính, báo cáo lương thưởng... trong năm 2019 đã đạt tỷ lệ cao hơn so với các năm trước đó.

**BẢNG 1: SỐ LƯỢNG VÀ TỶ LỆ DNNN THỰC HIỆN CBTT TRONG GIAI ĐOẠN
2016-2019**

Năm	Chỉ tiêu	KH SXKĐĐ TPT 5 năm	KH SXKĐĐ TPT hàng năm	KQ SXKD hàng năm và 3 năm gần nhất	KQ thực hiện NVCI và TNXH	BC SXĐM hàng năm	BC TTQT và CCTC	BCTC hàng năm	BC lương thưởng hàng năm
2016	Số DN thực hiện /tổng số DN đã CBTT	74/241	164/241	125/241	137/241	123/241	116/241	116/241	176/241
	Tỷ lệ	30,7%	68,05%	51,87%	21,58%	56,85%	51,07%	48,13%	73,03%
2017	Số DN thực hiện /tổng số DN đã CBTT	120/275	177/275	181/275	104/275	159/275	184/275	156/275	206/275
	Tỷ lệ	43,63%	64,36%	65,81%	37,8%	57,81%	69,91%	56,72%	74,91%
2018	Số DN thực hiện /tổng số DN đã CBTT	212/382	277/382	261/382	173/382	243/382	279/382	322/382	290/382
	Tỷ lệ	55,49%	72,51%	68,32%	45,28%	63,61%	73,03%	84,29%	75,91%
2019	Số DN thực hiện /tổng số DN đã CBTT	203/333	176/333	166/333	111/333	181/333	161/333	229/333	197/333
	Tỷ lệ	60,96%	52,85%	49,84%	33,33%	54,35%	48,34%	68,76%	59,15%

Hai là, việc công bố công khai thông tin hoạt động của DNNN đã tạo ra sự minh bạch và công khai về hoạt động của DNNN, được dư luận, báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng đánh giá cao. Các báo cáo công bố thông tin đã tạo điều kiện cải thiện việc chia sẻ, minh bạch hóa thông tin trong nội bộ doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với cơ quan chủ sở hữu, giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước; giúp dư luận và xã hội bước đầu có thể tiếp cận được các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của doanh nghiệp.

Ba là, hoạt động công bố thông tin của DNNN đã dần chuyển biến, bước đầu tạo ra sự minh bạch trong xã hội, là một công cụ hữu hiệu để Nhà nước giám sát, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực của Nhà nước tại các doanh nghiệp này.

Bốn là, việc công bố công khai thông tin của DNNN góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNN. Yêu cầu công khai, minh bạch tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của doanh nghiệp là động lực để các DNNN nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước; nỗ lực tối ưu hoá nguồn lực mà DNNN đang nắm giữ.

2. Những tồn tại, hạn chế:

Hoạt động công bố thông tin của DNNN đã dần chuyển biến, bước đầu tạo ra sự minh bạch trong xã hội, là một công cụ hữu hiệu để Nhà nước giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của Nhà nước tại các DNNN. Tuy nhiên, hoạt động công bố thông tin của DNNN hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế:

Một là, một số DNNN thực hiện công bố thông tin còn mang tính hình thức. Việc minh bạch thông tin tự nguyện chưa được thực hiện nghiêm túc. Trách nhiệm công bố thông tin chưa được chú trọng. Các DNNN chưa phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm, phân công nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận liên quan thông qua quy chế nội bộ về công bố thông tin.

Hai là, tỷ lệ doanh nghiệp công khai CBTT đã tăng theo từng năm, tuy nhiên vẫn có doanh nghiệp chưa thực hiện công bố thông tin theo quy định. Đặc biệt, tại một số địa phương, hầu hết các doanh nghiệp chưa thực hiện công bố thông tin, đặc biệt tại các công ty nông, lâm nghiệp, khai thác công trình thủy lợi, thủy nông.

Ba là, thời gian thực hiện công bố thông tin còn chậm so với quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh nghiệp chưa nghiêm túc thực hiện hoặc một số nội dung công bố thông tin phải báo cáo cơ quan chủ sở hữu phê duyệt hoặc chấp thuận, nên thời gian công bố thông tin quá hạn so với quy định.

Bốn là, các cơ quan đại diện chủ sở hữu chưa thực hiện đầy đủ công bố thông tin của các doanh nghiệp do mình làm đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP. Cụ thể, nhiều Bộ/địa phương chưa xây dựng chuyên mục riêng về công bố thông tin; chậm phê duyệt các nội dung công bố thông tin theo thẩm quyền; chưa thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm về việc thực hiện công bố thông tin của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

Năm là, Nghị định số 81/2015/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về việc công bố thông tin qua mạng điện tử của doanh nghiệp. Trong 5 năm thi hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được các loại báo cáo công bố thông tin của DNNN bằng bản giấy hoặc các file điện tử trên địa chỉ mail: info@business.gov.vn. Việc scan bản giấy hoặc tải các file điện tử để đăng lên Cổng thông tin doanh nghiệp rất thủ công, tốn nhiều thời gian, công sức nên hiệu quả không cao.

3. Nguyên nhân và giải pháp:

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên có thể kể đến là do một trong những yếu tố sau:

Một là, các DNNN chưa nhận thức đầy đủ vai trò của công bố thông tin. Phần lớn các doanh nghiệp còn thực hiện công bố thông tin một cách hình thức, không tự giác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kịp thời, đầy đủ.

Hai là, hiệu quả hoạt động chưa cao của các DNNN là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến không có động lực minh bạch thông tin. Mặc dù có nhiều đóng góp cho nền kinh tế quốc dân. Nhưng so với nguồn lực nhà nước mà DNNN đang nắm giữ thì chưa đạt như kỳ vọng.

Ba là, việc hàng năm phải công bố thông tin cho nhiều cơ quan quản lý nhà nước cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp, từ đó dẫn đến ý thức công bố thông tin của doanh nghiệp bị hạn chế.

Bốn là, cách thức công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP chưa thực sự hiệu quả, việc doanh nghiệp phải sao gửi tài liệu bằng bản giấy gây mất thời gian, chi phí cho doanh nghiệp.

Năm là, doanh nghiệp chưa thấy được lợi ích của việc minh bạch hoá thông tin, ngược lại việc công bố thông tin sẽ gây bất lợi cho doanh nghiệp khi để rò rỉ thông tin về chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh cho các đối thủ cạnh tranh gây tâm lý e ngại không muốn công bố thông tin ra bên ngoài.

BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VIỆC CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DNNN VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DNNN

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày / /2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
1	Tên gọi của Nghị định	Đề nghị rút gọn lại theo nội dung chính của Nghị định (Tập đoàn Hoá chất VN)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định.
2	Đối tượng áp dụng	1. Đề nghị bổ sung quy định “các doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước chiếm trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định của Luật Chứng khoán và Nghị định này” (UBND tỉnh Trà Vinh).	Tại Khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định đã quy định đối tượng áp dụng là các Doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Theo đó, các doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước chiếm trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết đã nằm trong đối tượng áp dụng của Nghị định này.
		2. Đề nghị nghiên cứu, xem xét đối tượng áp dụng là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 88 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 vì các doanh nghiệp này đã công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán (TCT Hàng hải VN).	Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021, theo đó DNNN bao gồm cả các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Theo đó, các doanh nghiệp này đều phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 109, 110 Luật Doanh nghiệp.
		3. Nên có sự phân biệt các chỉ tiêu cần thống kê và thời hạn công bố thông tin giữa 2 đối tượng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100%vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (TĐ CN Cao su VN)	Theo quy định tại Điều 109, 110 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các doanh nghiệp phải thực hiện CBTT bao gồm cả doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100%vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, không phân biệt các chỉ tiêu cần công bố và thời hạn công bố đối với từng loại doanh nghiệp.
		4. Đề nghị quy định không công bố thông tin đối với các ngân hàng được kiểm soát đặc biệt vì việc công bố có thể sẽ làm ảnh hưởng đến an toàn hệ thống Ngân hàng, ảnh hưởng tới an ninh	Tại Khoản 3 Điều 7 Dự thảo Nghị định quy định: “Đối với nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, doanh nghiệp báo

		tiền tệ quốc gia (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).	cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan đại diện chủ sở hữu phân vốn nhà nước tại doanh nghiệp quyết định việc công bố...”. Theo đó, đối với những nội dung liên quan đến các ngân hàng kiểm soát đặc biệt có thể ảnh hưởng đến an toàn hệ thống Ngân hàng, ảnh hưởng tới an ninh tiền tệ quốc gia, các ngân hàng báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam việc công bố các nội dung nêu trên.
3	Người đại diện theo pháp luật, người được uỷ quyền công bố thông tin	1. Đề nghị xem xét, bổ sung quy định về thời hạn uỷ quyền, người được uỷ quyền công bố thông tin không được uỷ quyền lại cho cá nhân khác (UBND TP Đà Nẵng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định.
		2. Đối với các doanh nghiệp đã đăng ký người được uỷ quyền thực hiện công bố thông tin, đề nghị xem xét không phải thực hiện đăng ký lại (Tập đoàn Bưu chính Viễn thông VN).	Mỗi doanh nghiệp đều được cung cấp tài khoản và mật khẩu đăng nhập để đăng tải công bố thông tin theo quy định tại Nghị định thay thế. Theo đó, để đảm bảo thống nhất trong quản lý thông tin người được uỷ quyền, tài khoản và mật khẩu đăng nhập, các doanh nghiệp đều phải thực hiện đăng ký người được uỷ quyền công bố thông tin.
4	Phương tiện và hình thức công bố	1. Về hình thức: đề nghị sửa thành “hình thức công bố thông tin bằng văn bản hoặc báo cáo dưới dạng dữ liệu điện tử” (Bộ KHCN).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định.
		2. Về phương tiện: Đề nghị xem xét việc doanh nghiệp phải thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp vì theo quy định tại Điều 109 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 chỉ quy định doanh nghiệp phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu, không quy định doanh nghiệp phải công bố trên Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (UBND TP Đà Nẵng).	Tại Khoản 5 Điều 9 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định “Chính phủ quy định chi tiết Điều này”. Theo đó, để thống nhất quản lý việc công bố thông tin của DNNN, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN và minh bạch hoá trong hoạt động của DNNN đáp ứng yêu cầu tại Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái bình dương (CPTPP) thì cần thiết phải có cơ quan làm đầu mối quản lý việc công bố thông tin của DNNN. Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ này từ năm 2013 và

			cho đến nay đã đạt được một số kết quả nhất định.
5	Tài khoản công bố thông tin	Đề nghị điều chỉnh thời gian doanh nghiệp phải đổi mật khẩu từ 1 ngày thành từ 01 đến 03 ngày làm việc để đủ thời gian xử lý theo quy trình xử lý văn bản (TCT Đầu tư phát triển nhà và đô thị).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định.
6	Các thông tin phải công bố định kỳ	1. Đề nghị quy định nội dung thực hiện công bố thông tin thống nhất theo quy định tại Khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các biểu mẫu tại các Phụ lục kèm theo Nghị định cũng phù hợp quy định tại Điều 109 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (UBND TP Đà Nẵng).	Các thông tin phải công bố định kỳ, các biểu mẫu tại Phụ lục kèm theo Dự thảo Nghị định đã được rà soát để đảm bảo thống nhất với quy định tại Khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
		2. Về báo cáo tài chính giữa năm: Một số ý kiến cho rằng theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Luật Kiểm toán độc lập, các doanh nghiệp chỉ phải kiểm toán bắt buộc đối với báo cáo tài chính hàng năm. Theo đó, các ý kiến đều đề xuất báo cáo tài chính giữa năm của doanh nghiệp không phải kiểm toán để phù hợp với quy định hiện hành và tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp (Bộ NN&PTNT; UBND tỉnh Nam Định, Yên Bái, Trà Vinh, Thái Bình, Nghệ An, Phú Thọ; Tập đoàn CN Than – Khoáng sản VN, TCT Quản lý bay VN, TCT Thuốc lá VN, TCT Bưu điện VN)	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã quy định báo cáo tài chính giữa năm phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng việc yêu cầu toàn bộ doanh nghiệp nhà nước, bao gồm cả những doanh nghiệp quy mô nhỏ, thực hiện nhiệm vụ công ích, cung cấp dịch vụ thủy lợi, thủy nông... phải thực hiện kiểm toán báo cáo 06 tháng có thể tạo thêm gánh nặng về chi phí và thời gian cho doanh nghiệp. Do vậy, dự thảo Nghị định dự kiến quy định doanh nghiệp nhà nước có quy mô vốn điều lệ trên 1.800 tỷ đồng (không bao gồm các công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý và khai thác công trình thủy lợi) phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giữa năm để công bố thông tin; các doanh nghiệp nhà nước khác công bố báo cáo tài chính giữa năm do doanh nghiệp lập theo mẫu biểu và quy định của pháp luật kế toán.
		3. Đề nghị không công bố Báo cáo tài chính 6 tháng của Nhà máy in tiền quốc gia vì tính đặc thù, hoạt động trong lĩnh vực in, đúc tiền, việc công bố số lượng in, đúc tiền, chi phí in, đúc tiền có thể gây ảnh hưởng tới an ninh tiền tệ quốc gia (Ngân hàng Nhà nước VN)	Tại Khoản 3 Điều 7 Dự thảo Nghị định quy định: “Đối với nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quyết định việc

			công bố...”. Theo đó, đối với những nội dung liên quan đến hoạt động in, đúc tiền, chi phí in, đúc tiền có thể ảnh hưởng tới an ninh tiền tệ quốc gia, Nhà máy in tiền quốc gia báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc công bố các nội dung nêu trên.
		4. Đề nghị xem xét bỏ nội dung về kế hoạch tuyển dụng lao động do các nội dung này mang tính chất điều hành nghiệp vụ nhân sự trong nội bộ của doanh nghiệp (TCT Viễn thông Mobifone). Đề nghị làm rõ quy định “đào tạo về quản trị doanh nghiệp” (TCT Viễn thông Mobifone, Tập đoàn Dầu khí VN).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định do nội dung này liên quan đến việc huy động và sử dụng nguồn lực của DNNN, cần được công khai rộng rãi, không phải là các nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
		5. Đề nghị làm rõ tình hình sử dụng lao động là của công ty mẹ hay bao gồm cả công ty con, kế hoạch tuyển dụng nhân sự cho năm tiếp theo hay kết quả tuyển dụng nhân sự năm báo cáo và có bao gồm công ty con hay chỉ của công ty mẹ (Tập đoàn Dầu khí VN).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, hoàn thiện và tiếp thu theo hướng chỉ áp dụng đối với lao động của Công ty mẹ.
7	Thời hạn công bố thông tin định kỳ	1. Về báo cáo mục tiêu tổng quát; kế hoạch kinh doanh hằng năm: Đề nghị nghiên cứu, thay đổi thời hạn công bố trước ngày 30/4 cho phù hợp (TCT Quản lý Bay Việt Nam, TCT Xi măng VN, Bộ Xây dựng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định.
		2. Đề nghị xem xét, bổ sung quy định thời hạn cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt báo cáo mục tiêu tổng quát; kế hoạch kinh doanh hằng năm (Tập đoàn Dầu khí VN).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định
		3. Về báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm: Một số ý kiến cho rằng đối với những doanh nghiệp quy mô lớn, có nhiều đơn vị trực thuộc thì việc tổng hợp báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh thường mất nhiều thời gian và số liệu hoàn chỉnh phải sau khi báo cáo tài chính được kiểm toán. Do đó, kiến nghị giữ nguyên thời hạn công bố trước ngày 20/6 hàng năm như Nghị định số 81/2015/NĐ-CP (Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định.

		Tập đoàn CN Than – Khoáng sản VN, TCT Viễn thông Mobifone, Tập đoàn CN Cao su VN).	
		4. Về báo cáo tài chính giữa năm: Đề nghị giữ nguyên thời hạn công bố trước ngày 15/8 hàng năm vì đối với những doanh nghiệp quy mô lớn, nhiều đơn vị trực thuộc, thời hạn công bố trước 31/7 là không khả thi (Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Trà Vinh, Tập đoàn Dầu khí VN, Tập đoàn CN Than – Khoáng sản VN, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông VN, Tập đoàn CN Cao su VN, TCT Đường sắt VN, TCT Hàng hải VN, TCT Viễn thông Mobifone, TCT Thuốc lá VN, TCT Xi măng VN, TCT truyền thông đa phương tiện, TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn NN, TCT Hàng không VN, TCT Quản lý bay VN, TCT Hàng hải VN)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng, đối với báo cáo tài chính do doanh nghiệp lập theo mẫu biểu và quy định của pháp luật kế toán có thể hoàn thành trước 31/7. Tuy nhiên, đối với những doanh nghiệp quy mô lớn, có nhiều đơn vị trực thuộc trong tổ hợp Công ty mẹ - công ty con, thời hạn nộp Báo cáo tài chính trước 31/7 hàng năm là khó có thể thực hiện được. Theo đó, tại Dự thảo Nghị định dự kiến quy định, đối với doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất từ 1.800 tỷ đồng trở lên, thời hạn nộp Báo cáo tài chính giữa năm là trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.
		5. Về báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức: Đề nghị gộp báo cáo thực trạng quản trị 6 tháng và 1 năm thành 1 loại báo cáo, kỳ báo cáo là hàng năm (TCT Hàng không VN, TCT Thuốc lá VN)	Dự thảo Nghị định đã quy định một số nội dung báo cáo về thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của DNNN tương đồng với trách nhiệm và nghĩa vụ báo cáo của công ty đại chúng. Theo đó, việc báo cáo 6 tháng/1 lần như Dự thảo để đảm bảo thống nhất giữa các quy định tại các văn bản hiện hành. Ngoài ra, nội dung tại báo cáo thực trạng quản trị 6 tháng và 1 năm là khác nhau, không bị trùng lặp.
		6. Đề nghị xem xét, điều chỉnh thời hạn báo cáo để thống nhất với thời hạn trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung nghị định số 87/205/NĐ-CP (Bộ NN&PTNT, TCT Thuốc lá VN).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát và điều chỉnh tại Dự thảo Nghị định phù hợp.
		7. Đề nghị quy định thời hạn DNNN phải gửi báo cáo đến các cơ quan đại diện chủ sở hữu để công bố theo quy định (UBND tỉnh Gia Lai)	Thời hạn công bố các loại báo cáo được quy định cụ thể tại Điều 8 Dự thảo Nghị định. Theo đó, các DNNN đồng thời phải gửi tới cơ quan đại diện chủ sở hữu và đăng tải trên

			Công thông tin doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo thời hạn như tại Dự thảo Nghị định.
8	Công bố thông tin bất thường	1 Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi thời hạn công bố thông tin bất thường theo hướng “trong vòng 36 giờ kể từ khi doanh nghiệp nhận được các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước thông tin về các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều 110 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14”.	Thời hạn công bố thông tin bất thường đã được quy định cụ thể tại Điều 110 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Do vậy, Dự thảo Nghị định đề nghị dự nguyên quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
		2. Đề nghị bổ sung thêm sự kiện: khởi kiện người quản lý doanh nghiệp, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp (Bộ Xây dựng).	Các nội dung phải công bố thông tin bất thường đã được quy định cụ thể tại Điều 110 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Do vậy, Dự thảo Nghị định đề nghị dự nguyên quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
9	Công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp	1. Nhiều doanh nghiệp có quy mô nhỏ, nguồn lực tài chính hạn chế nên chưa đủ điều kiện lập website riêng của doanh nghiệp, đề nghị xem xét quy định DNNN phải thực hiện bắt buộc việc công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (UBND tỉnh Yên Bái).	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã quy định doanh nghiệp phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp. Đồng thời, trong nền kinh tế hướng tới chuyên đổi số hiện nay, mỗi doanh nghiệp đều cần phải có website để tăng cường sự minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, thực tế không quá tốn kém chi phí để xây dựng và quản lý website của doanh nghiệp.
		2. Đề nghị quy định thời hạn DNNN phải lập trang thông tin điện tử (UBND tỉnh Gia Lai).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định.
10	Tạm hoãn, điều chỉnh công bố thông tin	1. Đề nghị bổ sung quy định tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định công bố đối với các nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật sản xuất kinh doanh (TCT Đầu tư phát triển nhà và đô thị).	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định.
		2. Đề nghị bổ sung quy định về việc gia hạn thời gian công bố thông tin khi DNNN không thể hoàn thành việc công bố báo	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã quy định thời gian cụ thể phải công bố đối với một số loại báo cáo. Theo đó, để

		cáo tài chính đúng thời hạn theo quy định (TCT Hàng không VN)	đảm bảo tính tuân thủ và hiệu lực của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
11	Trách nhiệm thực hiện và xử lý vi phạm	1. Đề nghị bổ sung trách nhiệm xây dựng Quy chế việc thực hiện công bố thông tin và cơ sở dữ liệu DNNN (Tập đoàn Hoà chất Việt Nam). Đề nghị bổ sung quy chế, quy định cụ thể về việc khai thác thông tin nhằm hạn chế xảy ra sự cố, ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh và thương hiệu của doanh nghiệp (Tập đoàn Dầu khí VN).	Tại Khoản 3 Điều 14 Dự thảo Nghị định đã quy định “Việc quản lý, và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo Quy chế do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành”. Đối với quy chế công bố thông tin, doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Dự thảo Nghị định.
		2. Đề nghị xem xét, tách riêng mỗi hình thức xử lý kỷ luật tương ứng với các hành vi vi phạm, đồng thời tham khảo Nghị định số 97/2015/NĐ-CP cho phù hợp (Bộ Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí VN)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì đây là trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu, đối với mỗi hành vi vi phạm, cơ quan đại diện chủ sở hữu tùy vào mức độ vi phạm để lựa chọn hình thức xử lý kỷ luật phù hợp
12	Các nội dung tại Phụ Lục	1. Phụ lục III: Tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ, không bao gồm các chỉ tiêu hợp nhất. Tuy nhiên tại Phụ lục 3, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh bao gồm cả chỉ tiêu hợp nhất đối với tổ hợp Công ty mẹ - công ty con (TCT Truyền thông đa phương tiện).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định.
		2. Đề nghị làm rõ báo cáo mục tiêu tổng quát là báo cáo riêng hay là một nội dung trong báo cáo kế hoạch kinh doanh hàng năm. Trường hợp là báo cáo riêng, đề nghị bổ sung mẫu biểu hoặc hướng dẫn chi tiết (TCT Thuốc lá VN)	Mục tiêu tổng quát là một nội dung nằm trong Báo cáo tại Phụ lục số III. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, bổ sung nội dung này tại Dự thảo Nghị định.
		3. Phụ lục III, IV: Đề xuất bỏ nội dung lợi nhuận trước thuế trong các bảng chỉ tiêu sản xuất kinh doanh vì hiện nay các cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ giao lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch và là chỉ tiêu thực hiện xếp loại doanh nghiệp (TCT Viễn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định do các nội dung này đã được thể hiện cụ thể tại báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

		thông Mobifone).	
		4. Phụ lục IV: đề nghị làm rõ cột “giá trị thực hiện” và “thời gian thực hiện” (TCT Viễn thông Mobifone); giá trị này có tương ứng với các chỉ tiêu tại Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất không (Tập đoàn Dầu khí VN).	“giá trị thực hiện” là giá trị giải ngân vốn đầu tư lũy kế đến thời điểm báo cáo; “thời gian thực hiện” là thời gian thực tế triển khai Dự án, các chỉ tiêu này tương ứng với các chỉ tiêu tại Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất đối với tổ hợp Công ty mẹ - công ty con.
		5. Phụ lục VI: Đề nghị không phải báo cáo các quyết định của Ban giám đốc công ty vì theo Điều 109 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 chỉ quy định phải công bố các quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (TCT Đầu tư phát triển nhà và đô thị).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định
		6. Phụ lục VI: đề nghị xem xét, bỏ cột “Người có thẩm quyền ký ban hành” vì nghị quyết của HĐQT/HĐQT tất cả các thành viên HĐQT/HĐQT đều có thẩm quyền ký ban hành những văn bản thuộc lĩnh vực phụ trách.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì người có thẩm quyền ký ban hành sẽ chịu trách nhiệm về lĩnh vực mà mình phụ trách.
13	Một số ý kiến khác:	1. Đề nghị làm rõ quy trình công bố thông tin (TCT Thuốc lá VN).	Sau khi Nghị định ban hành và có hiệu lực, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có công văn hướng dẫn quy trình cụ thể về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.
		2. Đề nghị Chính phủ thiết lập chung hệ thống công thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước để doanh nghiệp chỉ cần thực hiện báo cáo 1 lần nhưng các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan đại diện chủ sở hữu đều nhận được hoặc xây dựng 1 mẫu báo cáo chung để doanh nghiệp công bố theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp (TCT Thuốc lá VN, TCT Hàng không VN, Tập đoàn Bru chính viễn thông VN, TCT Đường sắt VN).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và xin ý kiến Chính phủ tại Tờ trình.
		3. Đề nghị giới hạn “người có liên quan” vì theo quy định tại	Khoản 2 Điều 109 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã

	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, “người có liên quan” bao gồm nhiều đối tượng, sẽ khó khăn cho doanh nghiệp rà soát và thống kê (Tập đoàn CN Cao su VN, Tập đoàn Bru chính Viễn thông VN)	quy định cụ thể các nội dung phải công bố về “người có liên quan” của người quản lý công ty bao gồm: thông tin, hợp đồng, giao dịch của công ty với người có liên quan. Do vậy, doanh nghiệp cần thực hiện nội dung này theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
	4. Đề nghị bổ sung “văn bản sử dụng chữ ký số để công bố thông tin qua mạng điện tử của doanh nghiệp có giá trị pháp lý như bản giấy”.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định.
	5. Đề nghị làm rõ nội dung “những lý do bất khả kháng”.	Tại Khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự 2015 đã quy định cụ thể về sự kiện bất khả kháng. Theo đó, “sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép”.
	6. Đề nghị cung cấp phương thức liên lạc, hỗ trợ cho doanh nghiệp (đường dây nóng) khi cung cấp tài khoản CBTT qua mạng điện tử cho doanh nghiệp (Tập đoàn CN Cao su VN).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ nghiên cứu và thiết lập sau khi Nghị định được ban hành
	7. Đề nghị nghiên cứu định dạng báo cáo, thông tin, số liệu phù hợp để nâng cao hiệu quả truy xuất và khai thác dữ liệu điện tử từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ nghiên cứu và hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định.